TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:327/2026/HS-ST
Ngày: 28/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Ngân**
Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng
Ông Bùi Thế Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4-Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2026/TLST-HS ngày 5 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

1. **Lê Đinh Hồng T;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1992; Nơi thường trú: Số H, hẻm D, phố T, phường T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Hồng M và con bà: Lê Minh T1; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 25/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 32 tháng tù tội Tổ chức đánh bạc.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 15/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01- Công an thành phố Hà Nội- có mặt tại phiên tòa

2. **Nguyễn Trung K;** Giới tính: N; sinh năm: 1997; Nơi thường trú: Thôn D, xã H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Trọng V và con bà Nguyễn Thị O; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 30/3/2021, bị Tòa án nhân dân quận Cầu giấy (cũ) xử phạt 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 15/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01- Công an thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

3. **Hoàng Tùng L**, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Tổ A, phường N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Xuân M1 (c) và con bà Lê Thị Kim O1; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 30/8/2007, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy (cũ) xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội cố ý gây thương tích.

Ngày 20/01/2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cáo xử phạt 16 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt 2 bản án 40 tháng tù.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 15/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01- Công an thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

4. **Trần Anh T2;** sinh năm 1994; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Khu I, xã Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn C (c) và con bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 15/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01- Công an thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

5. **Nguyễn Văn T3,** sinh năm 1984; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số D, tổ B, ngách B, phường N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T4 và con bà Hoàng Thị Y; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân :

Ngày 24/5/2006, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm (cũ) xử phạt 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

Ngày 22/5/2013, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm (cũ) xử phát 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

Ngày 12/5/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm về tội Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/11/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

6. **Nguyễn Tiến D,** sinh năm 1986; Giới tính Nam; Nơi thường trú: Số A ngách E, đường H, phường N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thế V1 và con bà Nguyễn Thị L1 (c); Vợ là Đinh Thùy L2, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: 01 Tiền án.

Nhân thân:

Ngày 24/5/2006, bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình (cũ) xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

Ngày 14/6/2006,bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy (cũ) xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngày 25/9/2007, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy (cũ) xử phạt 30 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Ngày 22/5/2013, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm (cũ) xử phạt 24 tháng tù về tôi Gây rối trật tự công cộng

Ngày 30/3/2021 bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy (cũ) xử phạt 30

tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, bản án có kháng cáo. Ngày 9/6/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự cộng cộng

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/12/2025. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 02 Công an thành phố Hà Nội- có mặt tại phiên tòa

7. **Nguyễn Thị Thanh T5,** sinh năm: 1998; Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Xóm L, xã Đ, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hồng M2 và con bà Trần Thị L3; Chồng là Nguyễn Đình C1, bị cáo có 01 con sinh ngày 02/10/2025; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú- có mặt tại phiên tòa

8. **Nguyễn An A,** sinh năm 1976; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số C, ngõ A, phố Đ, phường N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ và con bà Nguyễn Thị X; Vợ là Đỗ Thị M3, bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày18/4/2025. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội- có mặt tại phiên tòa

9. **Đỗ Thị M3,** sinh năm 1977; Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Số C, ngõ A, phố Đ, phường N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Không rõ và con bà Nguyễn Thị D1; Chồng là Nguyễn An A, bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2025. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội- có mặt tại phiên tòa

*** Nguyên đơn dân sự:** Thuế cơ sở 5 – Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số A N, phường N, thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

*** Bị hại**:

1/ Công ty TNHH P3; Địa chỉ: Số nhà D, ngách B, đường V, phường N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Số D, tổ A, ngách B, phường N, thành phố Hà Nội- tham gia phiên tòa (là bị cáo trong vụ án)

2/ Anh Nguyễn Tiến T6, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Thôn M, xã Đ, Thành phố Hà Nội- vắng mặt.

3/ Anh Hoàng Minh P, sinh năm 2986; Nơi thường trú: Thôn N, xã T, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

4/ Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1980; Nơi thường trú: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

5/ Anh Lê Việt D2, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

6/ Ông Lê Văn T7, sinh năm 1977; Nơi thường trú: Thôn Y, xã Đ, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

7/ Anh Trần Công H1, sinh năm 1983; Nơi thường trú: Thôn X, xã P, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972; Nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

9/ Anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Xã T, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Nguyễn Văn A1, sinh năm 1989; Nơi thường trú: tổ A, phường S, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

2/ Anh Phương Văn T8, sinh năm 1983; Nơi thường trú: SỐ E ngõ B phường P, thành phố Hà Nội- vắng mặt.

3/ Anh Đặng Văn K1, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Khu F xã Đ, tỉnh Phú Thọ- vắng mặt.

4/ Chị Ngô Khánh L4, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Tổ A, phường N, thành phố Hà Nội- có mặt.

5/ Công ty cổ phần T12; Địa chỉ: Số B phố Đ, phường N, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy H3 – Giám đốc- vắng mặt.

6/ Chị Đặng Thị P2, sinh năm 2000; Nơi thường trú: Thôn M, phường M, tỉnh Ninh Bình- có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo của Nguyễn Thị Thanh T5:**

- Luật sư Quách Việt H4 – Công ty L9
- Luật sư Đỗ Văn N – Công ty L9

(có mặt)

***Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn An A và bị cáo Đỗ Thị M3:**

- Luật sư Bùi Thiên Â – Công ty L10.
- Luật sư Nguyễn Phi L5 – Công ty L10.
- Luật su Lê Anh N1 – Công ty L10

(Luật sư Lê Anh N1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Mạc Văn L6 (sinh năm: 1979; trú tại thôn V, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc) là chủ công trình thi công căn hộ khu L R, phường X, quận T, Hà Nội (nay là phường N, Hà Nội; gọi tắt là công trình LK32). Ngày 07/4/2025, anh L6 ký hợp đồng vận chuyển rác thải xây dựng của công trình LK32 với ông Phạm Huy H3 (sinh năm 1968; trú tại số B Đ, phường N, thành phố Hà Nội; giám đốc Công ty Cổ phần T12; gọi tắt là Công ty T12).

Lê Đinh Hồng T (sinh năm 1992; trú tại số H, hẻm D, phố T, phường T, Hà Nội) là nhân viên phụ trách kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn P3 (gọi tắt là Công ty P3), chuyên kinh doanh mua bán, vận chuyển vật liệu xây dựng ở địa bàn quận T (cũ). T được giám đốc Công ty P3 là Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1984; trú tại Số D, tổ A ngách B, phường N, thành phố Hà Nội) giao trách nhiệm tìm kiếm công trình và chỉ đạo các nhân viên lái xe vận chuyển vật liệu của Công ty P3. Từ tháng 6/2024, quản lý của Công ty T12 là anh Nguyễn Văn T9 (sinh năm 1992; trú tại số A ngách A, đường B, phường

B, Hà Nội) thường xuyên vào khu vực của T để cạnh tranh việc cung cấp vật liệu xây dựng. Đến tháng 4/2025, khi anh T9 cho xe ô tô tải vào vận chuyển rác thải xây dựng của công trình LK32, T cho rằng Công ty T12 tranh giành địa bàn của mình nên đã chỉ đạo nhóm nhân viên của Công ty P3 sử dụng nhiều ô tô và xe máy chặn đường ra vào khu công trình LK32 nhằm ngăn cản Công ty T12 vận chuyển rác thải xây dựng.

Hành vi của T và nhóm nhân viên của Công ty P3 đã gây ra ùn tắc giao thông ở khu liền kề 32 R, gây ảnh hưởng tới an ninh trật tự và gây bức xúc cho quần chúng nhân dân. Sau khi nhận được tố giác của anh T9, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các đối tượng, cụ thể như sau:

1. Hành vi gây rối trật tự công cộng của nhóm nhân viên Công ty P3

Ngày 03/4/2025, Lê Đinh Hồng T thấy công trình LK32 đang phá dỡ nên đã nhắn tin vào nhóm Z "Nhóm chung -2.5T" của các nhân viên Công ty P3, nhắc nếu có xe ô tô vào vận chuyển rác thải của công trình LK32 thì báo cho T. Đến ngày 07/4/2025, khi biết Công ty T12 nhận vận chuyển rác thải xây dựng cho công trình LK32, T đã đến gặp anh T9 yêu cầu không được tiếp tục nhận vận chuyển rác thải xây dựng nhưng anh T9 không đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 08/4/2025, T di chuyển về bãi vật liệu của Công ty P3 rồi điều khiển xe ô tô tải hiệu Suzuki biển kiểm soát 29H-319.89 ra đỗ chắn đường ra vào khu công trình LK32. Sau đó, T chỉ đạo Trần Anh T2 (sinh năm 1994; trú tại khu I, xã Đ, tỉnh Phú Thọ; là lái xe chở vật liệu của Công ty P3) điều khiển thêm 01 xe ô tô tải loại 5 tấn hiệu TMT, biển kiểm soát 29K-060.21 và 01 xe ô tô tải loại 3 tấn hiệu TMT, biển kiểm soát 29K - 291.35 ra chặn đường ra vào công trình LK32, Lúc này, có thêm 02 lái xe của Công ty P3 là Hoàng Tùng L (sinh năm 1985; trú tại tổ A, phường N, Hà Nội) điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 29P1-880.62 và Nguyễn Trung K (sinh năm 1997; trú tại thôn D, xã H, Hà Nội) đi bộ đến, L dùng xe máy Honda Vision chặn đường ra vào công trình LK32, còn K đến giúp T gây áp lực cho nhân viên Công ty T12 để ngăn cản việc vận chuyển rác thải xây dựng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do cần lấy xe đi làm, các lái xe của Công ty P3 điều khiển các xe ô tô rời đi.

Khoảng 09 giờ ngày 09/4/2025, khi T ra bãi tập kết vật liệu của Công ty P3 thì lại thấy người của Công ty T12 vào xúc rác thải tại công trình LK32. Thấy vậy, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia màu đỏ, biển kiểm soát 30K-365.22 và chỉ đạo Trần Anh T2 điều khiển xe tải hiệu TMT loại 1,4 tấn, biển kiểm soát 29K-636.51 ra để chặn đường không cho xe của Công ty T12 di chuyển ra vào công trình LK32. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T chỉ đạo các nhân viên Công ty P3 điều khiển xe ô tô rời đi. Do đường đi vào khu LK32 là đường dân sinh, nhiều phương tiện đi lại nên hành vi của T và các nhân viên của Công ty P3 đã gây ra ùn tắc giao thông nghiêm trọng ở khu liền kề 32 Romatic Park, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty T12, gây ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự tại địa phương.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng, đồ vật liên quan gồm:

- Thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại Công ty P3: 01 xe ô tô hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 29H - 184.14; 01 xe ô tô hiệu TMT, biển kiểm soát 29H - 636.51; 01 xe ô tô hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 29H - 319.89 và 01 xe ô tô hiệu TMT, biển kiểm soát 29K - 060.21 (xác định là các xe ô tô các bị cáo sử dụng để chặn đường vào khu LK32).

- Thu giữ của anh Nguyễn Văn A1 (sinh năm 1989; trú tại tổ A phường S, Hà Nội): 01 USB có lưu giữ Video thể hiện hình ảnh Lê Đinh Hồng T, Hoàng Tùng L, Nguyễn Trung K điều khiển ô tô chặn đường ra vào khu LK32 vào các ngày 08 và 09/4/2025

- Thu giữ: 01 điện thoại (Iphone số Imei: 351136710315687, đã qua sử dụng) của Trần Anh T2; 01 điện thoại (Iphone số Imei: 352513428875443 và 01 điện thoại Iphone số Imei: 353293072232444, đã qua sử dụng) của Phương Văn T8 (sinh năm 1983; trú tại số E ngõ B phường P, thành phố Hà Nội; là nhân viên bộ phận kinh doanh của Công ty P3); 01 điện thoại (Iphone số Imei: 357287092044462, đã qua sử dụng) của Đặng Văn K1 (sinh năm 1994; trú tại khu F xã Đ, tỉnh Phú Thọ; là lái xe chở vật liệu của Công ty P3). Kiểm tra điện thoại có tin nhắn trong nhóm Z "Nhóm chung -2.5T" với nội dung T yêu cầu các lái xe trong nhóm báo lại nếu phát hiện công trình LK32 thuê đơn vị khác vận chuyển rác thải xây dựng.

- Thu giữ của chị Ngô Khánh L4 (sinh năm 1995; trú tại: tổ A, phường N, Hà Nội; là vợ của bị cáo Hoàng Tùng L): 01 xe máy hiệu HONDA VISION, biển kiểm soát 29P1-886.62 (xác định là xe bị cáo L sử dụng để chặn đường vào khu LK32)

Đối với Nguyễn Văn T3 - Giám đốc Công ty P3, kết quả điều tra xác định: Tại thời điểm xảy ra vụ việc trên T3 không có mặt ở Công ty, không chỉ đạo T và các nhân viên khác trong việc chặn xe chở vật liệu xây dựng của Công ty T12, do đó không đồng phạm với các bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng.

2. Hành vi trốn thuế của Công ty P3

Tháng 11/2023, Nguyễn Văn T3 thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn P3 (mã số thuế: 0110557361, địa chỉ: Số D, đường V, phường N, quận C, Hà Nội; nay là phường N, Hà Nội) chuyên kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng. Nguyễn Tiến D (sinh năm 1986; trú tại số A ngách E, đường H, phường N, thành phố Hà Nội) là nhân viên Công ty P3 và được T3 giao phụ trách bộ phận kế toán. Bộ phận kế toán nội bộ của Công ty P3 gồm có chị Đặng Thị P2 (sinh năm 2000; trú tại thôn E M, phường M, tỉnh Ninh Bình) làm kế toán từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024 và Nguyễn Thị Thanh T5 (sinh năm 1998; trú tại xóm L, xã Đ, tỉnh Nghệ An) làm kế toán từ tháng 6/2024 đến tháng 4/2025.

Trong quá trình kinh doanh, T3 và D bàn bạc, thống nhất dùng các tài khoản ngân hàng cá nhân để nhận tiền của khách mua vật liệu xây dựng và không xuất hóa đơn giá trị gia tăng nếu khách không yêu cầu, nhằm mục đích để ngoài sổ sách số tiền này, không kê khai, nộp thuế theo quy định pháp luật. Trong thời gian làm việc tại Công ty P3, chị P2 được D giao nhiệm vụ tổng hợp số liệu thu – chi của Công ty P3 trên phần mềm kế toán "Misa" và lập hợp đồng mua bán với khách hàng, không biết việc T3 và D để ngoài sổ sách

các khoản thu từ hoạt động kinh doanh. Từ tháng 6/2024, khi T5 vào làm kế toán tại Công ty P3, T3 và D chỉ đạo T5: khi khách hàng mua vật liệu xây dựng yêu cầu xuất hoá đơn thì T5 sẽ làm hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng và yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản số 356886888 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) mang tên Công ty P3. Nếu khách hàng không yêu cầu xuất hoá đơn thì T3 sẽ chỉ đạo T5 làm hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng và yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào các tài khoản cá nhân gồm: Tài khoản số 385529999 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V3) mang tên Trịnh Hoa L7 tài khoản số 19035420541014 mở Ngân hàng T13 mang tên Nguyễn Thị Thúy V2 và tài khoản số 300519866868 mở tại Ngân hàng M5 mang tên Nguyễn Tiến D nhằm mục đích để ngoài sổ sách, không kê khai, nộp thuế theo quy định.

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 12/2023 đến tháng 4/2025, tổng số tiền Nguyễn Văn T3 đã bán vật liệu xây dựng cho khách hàng thu về 3 tài khoản Ngân hàng nêu trên là 24.587.999.229 đồng, không vào sổ sách, không kê khai, nộp thuế theo quy định pháp luật, cụ thể:

- Từ ngày 23/7/2023 đến ngày 16/4/2025, các khách hàng mua vật liệu xây dựng của Công ty P3 đã chuyển tổng số tiền 15.319.705.188 đồng vào tài khoản số 385529999 mở tại Ngân hàng V3 mang tên Trịnh Hoa L7,
- Từ tháng 11/2023 đến ngày 24/9/2024, các khách hàng mua vật liệu xây dựng của Công ty T14 đã chuyển tổng số tiền 533.326.900 đồng vào tài khoản số 300579866868 mở tại Ngân hàng M5 mang tên Nguyễn Tiến D.

Tại bản kết luận giám định của Thuế ngày 16/9/3035 của Cục Thuế thành phố H kết luận:

"Về hành vi: Công ty P3 từ năm 2023 (Quý 4/2023) đến tháng 4/2025 đã có hành vi không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp (thu tiền bán vật liệu xây dựng thông qua 03 tài khoản cá nhân nhằm mục đích để ngoai sổ sách, không kê khai, nộp thuế theo quy định pháp luật và không xuất hóa đơn khi bán hàng, dịch vụ để che giấu doanh thu bán hàng thực tế là Hành vi trốn thuế theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc Hội.

"*Về số thuế trốn: Căn cứ tài liệu và nội dung trưng cầu giám định của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố H, giám định viên xác định: Số tiền thuế giá trị gia tăng trốn là: 2.291.596.696 đồng (Băng chứ: Hai tỷ, hai trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi sau nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng)...*"

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Tiến D khai nhận việc dùng các tài khoản cá nhân thay cho tài khoản Công ty P3 để giao dịch mua bán vật liệu xây dựng nhằm trốn thuế như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Thị Thanh T5 tại cơ quan điều tra T5 khai: Từ tháng 6/2024, T5 đã giúp T3 và D dùng tài khoản cá nhân nhận tiền để thay cho tài khoản Công ty P3 khi giao dịch mua bán vật liệu xây dựng nhằm trốn thuế như đã nêu trên. Tổng doanh thu bỏ ngoài sổ sách, không krr khai nộp thiế từ thời điểm T5 đi làm (Q 3 năm 2024 đến hết quy 1 năm 2025) là 15.778.495.838

đồng; giúp sức cho Công ty P3 trốn số thuế giá trị gia tăng là 1.577.849.584 đồng.

Đối với chị Trịnh Hoa L7 (sinh năm 1989, trú tại tổ B phường N, thành phố Hà Nội; là người quen của Nguyễn Văn T3) và bà Nguyễn Thị Thúy V2 (sinh năm 1960; trú tại số I ngõ E H, tổ B phường N, thành phố Hà Nội; là người quen của Nguyễn Văn T3) chủ các tài khoản bị can T3, D và T5 đã dùng để nhận tiền của khách mua vật liệu xây dựng. Kết quả điều tra xác định: chị L7 và bà V2 không biết việc các bị can sử dụng các tài khoản Ngân hàng của mình để nhận tiền của khách mua vật liệu xây dựng nhằm mục đích Trốn thuế. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Đặng Thị P2 làm kế toán của Công ty P3 từ tháng 12/2023 đến tháng 5/2024 (thời điểm T5 thay P2 làm kế toán). Quá trình điều tra xác định: chị P2 không biết việc Công ty P3 sử dụng nhiều tài khoản cá nhân thay cho tài khoản công ty khi ký kết hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng để trốn thuế. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

3. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn An A và Đỗ Thị M3

Từ năm 1995, Nguyễn An A (sinh năm 1976) và vợ là Đỗ Thị M3 (sinh năm 1977) cùng trú tại Số C, ngõ A, phố Đ, phường N, thành phố Hà Nội, cùng thực hiện hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và vận tải với thương hiệu "Mai An" nên biết việc các Công ty, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng thường bị lực lượng Chức năng xử phạt vi phạm hành chính với các lỗi vi phạm chở hàng vượt quá tải trọng cho phép, dừng đỗ xe không đúng quy định.

Tuy không có khả năng can thiệp vào việc xử lý các lỗi vi phạm giao thông của lực lượng Cảnh sát giao thông và Thanh tra giao thông, nhưng vì động cơ vụ lợi, vợ chồng Nguyễn An A đưa ra các thông tin gian dối với các hộ kinh doanh vận tải là mình có quan hệ với các lực lượng Cảnh sát giao thông và Thanh tra giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội; có thể đảm bảo khi xe tải của các hộ kinh doanh tham gia giao thông đường bộ sẽ không bị xử phạt hoặc tác động can thiệp để được xử phạt ở mức nhẹ.

Để được vợ chồng Nguyễn An A đảm bảo như vậy, hàng tháng các hộ kinh doanh vật liệu xây dựng phải nộp phí cho vợ chồng Nguyễn An A với mức 1.500.000 đồng/tháng/01 xe đối với xe tải loại trên 5 tấn và 1.000.000 đồng/tháng/01 xe đối với xe tải loại dưới 5 tấn.

Để tạo niềm tin cho các hộ kinh doanh, vợ chồng Nguyễn An A thuê Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T15 (địa chỉ tại số B, ngõ G, phố T, phường H, Hà Nội) in 200 nhãn Logo (biểu tượng hình tròn, viền đỏ, bên trong hình tròn có biểu tượng 02 xe ô tô màu đen và màu đỏ) rồi đưa cho các hộ kinh doanh đã nộp tiền để dán vào các xe ô tô, nói là ký hiệu để tránh bị xử phạt vi phạm giao thông. Khi các hộ kinh doanh tin tưởng các thông tin gian dối trên và đồng ý nộp tiền hàng tháng, vợ chồng Nguyễn An A sẽ cùng nhau đi thu tiền trực tiếp hoặc yêu cầu các hộ kinh doanh chuyển khoản vào tài khoản số 10027594 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V4 (V5) của Đỗ Thị M3 hoặc tài khoản số 19036874554011 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 (T13) mang tên Nguyễn Hữu D3.

Kết quả điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến ngày 17/4/2025, với thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc có quan hệ với lực lượng Cảnh sát giao thông và Thanh tra giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, vợ chồng Nguyễn An A đã chiếm đoạt tổng số tiền 184.600.000 đồng của 09 Công ty và hộ kinh doanh vật liệu xây dựng. Cụ thể như sau:

- Từ tháng 7/2024 đến tháng 5/2025, anh Phương Văn T8 (sinh năm 1983; trú tại số E ngõ B phường P, thành phố Hà Nội; là nhân viên kinh doanh của Công ty P3) liên hệ với Nguyễn An A thỏa thuận việc đưa và nhận tiền nhằm bỏ qua vi phạm hành chính khi tham gia giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội cho các xe ô tô tải biển kiểm soát 29K-291.35; biển kiểm soát 29H-184.14; biển kiểm soát 29H-636.51; biển kiểm soát 29K-095.62; biển kiểm soát 29K-060.21; biển kiểm soát 29H-319.89 của Công ty P3. Từ tháng 7/2024 đến tháng 5/2025, Công ty P3 đã dùng tài khoản số 300519866868 mang tên Nguyễn Tiến D mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 (M6) chuyển tổng số tiền 67.300.000 đồng vào tài khoản số 10027594 mở tại Ngân hàng V5 của Đỗ Thị M3.

- Từ tháng 06/2020 đến tháng 04/2025, anh Nguyễn Tiến T6 (sinh năm 1990; trú tại thôn M, xã Đ, Hà Nội) liên hệ với Nguyễn An A thỏa thuận can thiệp đối với xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 29C-900.47 và đã đưa tổng số tiền 55.200.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn An A.

- Từ tháng 07/2020 đến tháng 04/2023, anh Hoàng Minh P (sinh nă 1986; trú tại thôn N, xã T, Hà Nội) liên hệ với Nguyễn An A thể thuận can thiệp đối với xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 29H-408.79 và đã đưa tổng số tiền 44.200.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn An A.

- Từ tháng 08/2024 đến tháng 02/2025, anh Nguyễn Văn P1 (sinh năm 1980; trú tại: Thôn L, xã T, Hà Nội) liên hệ với Nguyễn An A thỏa thuận can thiệp đối với xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 29H- 481.02 và đã đưa tổng số tiền 5.000.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn An A.

- Từ tháng 03/2025 đến tháng 04/2025, anh Lê Việt D2 (sinh năm 1993; trú tại thôn L, xã T, Hà Nội) liên hệ với Đỗ Thị M3 thỏa thuận can thiệp đối với 02 xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng có biển kiểm soát 29H-086.43 và biển kiểm soát 28C-4912 của mình và 01 xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 29C-699.14 của bạn là Đỗ Văn H2 (sinh năm 1988; trú tại: xã T, Hà Nội). Anh D4 đã dùng tài khoản số 101864697666 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C3 (V6) chuyển số tiền 4.500.000 đồng vào tài khoản số 10027594 mở tại Ngân hàng V5 của Đỗ Thị M3.

- Từ tháng 11/2024 đến tháng 04/2025, ông Lê Văn T7 (sinh năm 1977; trú tại thôn Y, xã Đ, Hà Nội) liên hệ với Nguyễn An A thỏa thuận can thiệp đối với xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 29H-600.43 và đã đưa tổng số tiền 5.000.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn An A.

- Từ tháng 03/2025 đến tháng 04/2025, anh Trần Công H1 (sinh năm 1983, trú tại thôn X, xã P, Hà Nội) liên hệ với Nguyễn An A thỏa thuận can thiệp đối với xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 29C-419.13 và đã đưa số tiền 2.400.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn An A.

- Từ tháng 07/2024 đến tháng 08/2024, bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1972; trú tại thôn N, xã Đ, Hà Nội) liên hệ với vợ chồng Nguyễn An A thỏa thuận can thiệp đối với xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng biển kiểm soát 34C-128.86 và đã đưa 1.000.000 đồng cho vợ chồng Nguyễn An A.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn An A và thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO (số I: 863980045237731**)**; 01 điện thoại Nokia (số I: 353747947549878); 01 điện thoại Nokia (số I: 355406843314518); 01 điện thoại Iphone (số I: 353568256190173); 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO (số I: 863980045908455); 01 điện thoại Iphone (số I: 353397161985430) 01 lô gô hình tròn màu đỏ bên trong có 02 hình ô tô màu đỏ, đen và 22 phong bì thư (là điện thoại AN A và vợ dùng để liên hệ với các nhà xe và L8 và phong bì để đưa cho các hộ kinh doanh nhằm mục đích nhận diện).

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra và thu giữ được một số Logo dán trên xe ô tô tải của các hộ kinh doanh đã nộp tiền cho vợ chồng Nguyễn An A. Các Logo này có kiểu dáng, kích thước tương tự Logo thu giữ được trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn An A.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo Nguyễn An A khai sau khi thu tiền của các hộ kinh doanh vận tải vật liệu xây dựng, hàng tháng Nguyễn An A có đưa số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho các anh Duy Văn H5, Đào Xuân T10, Nguyễn Hữu C2, Nguyễn Thế S và Hồ Quang M4 đều là cán bộ của Phòng C4- Công an thành phố H để không xử phạt các lỗi vi phạm giao thông đối với các xe có dán Logo của nhà xe M7. Sau đó, Nguyễn An A thay đổi lời khai, không thừa nhận việc đưa tiền cho các cán bộ phòng Cảnh sát Giao thông trên. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, các anh H5, T10, C2, S và M4 không thừa nhận việc nhận tiền hay lợi ích vật chất khác để tạo điều kiện cho các xe ô tô có dán Logo nhà xe M7 như Nguyễn An A khai. Hiện tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra không đủ cơ sở kết luận Nguyễn Anh A, Đỗ Thị M3 và các cán bộ Cảnh sát giao thông nêu trên có hành vi đưa, nhận hối lộ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T3 (giám đốc Công ty P3), Nguyễn Tiến T6, Hoàng Minh P, Nguyễn Văn P1, Lê Việt D2, Lê Văn T7, Trần Công H1, Nguyễn Thị X khai đã đưa tiền cho vợ chồng Nguyễn An A nhằm đích tránh bị xử phạt vi phạm giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải vật liệu xây dựng như đã nêu trên. Tuy nhiên, thực tế các xe tải đã được dán Logo của nhà xe M7 vẫn bị lực lượng chức năng xử phạt vi phạm hành chính khi phát hiện vi phạm trong quá trình tham gia giao thông.

Đối với Nguyễn Hữu D3 (Sinh năm 1984; trú tại: Thôn L, xã T, Hà Nội; là người quen của vợ chồng Nguyễn An A) đã cho các bị cáo Nguyễn An A và Đỗ Thị M3 mượn tài khoản số 19036874554011 mở tại Ngân hàng T13 để nhận tiền của các hộ kinh doanh vận tải. Kết quả điều tra xác định, D3 không biết việc các bị cáo sử dụng tài khoản này nhận tiền do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Văn T3 (giám đốc Công ty P3), Nguyễn Tiến T6, Hoàng Minh P, Nguyễn Văn P1, Lê Việt D2, Lê Văn T7, Trần Công H1 và Nguyễn Thị X

yêu cầu Nguyễn An A cùng Đỗ Thị M3 đền bù toàn bộ số tiền vợ chồng Nguyễn An A đã chiếm đoạt của các Công ty và hộ kinh doanh.

Tại bản cáo trạng 664/CT-VKS ngày 05/03/2026, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo như sau:

- Bị cáo Lê Đinh Hồng T, Nguyễn Trung K, Hoàng Tùng L và Trần Anh T2 đã phạm vào tội Gây rối trật tự công cộng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.
- Bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Thanh T5 đã phạm tội Trốn Thuế quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự.
- Bị cáo Nguyễn An A và Đỗ Thị M3 đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, được sự ủy quyền của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trên và đề nghị :

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn An A từ 24 đến 28 tháng tù

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1,khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Thị M3 từ 24 đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 56 tháng

Về hình phạt bổ sung: Không

Về dân sự:

Các bị cáo Nguyễn Tiến T6, Hoàng Minh P, Nguyễn Văn P1, Lê Việt D2, Lê Văn T7, Trần Công H1, Nguyễn Thị X đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu về dân sự nên không xem xét . Trả lại cho Công ty P3(Nguyễn Văn T3 là giám đốc) số tiền 67.300.000 đồng do 02 bị cáo Nguyễn An A và Đỗ Thị M3 đã nộp khắc phục (hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của phòng thi hành án Dân sự khu vực 4- Hà Nội)

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: + Tịch thu sung quỹ Nhà Nước: 01 điện thoại OPPO có số imei: 863980045237731 thu giữ của Đỗ Thị M3; 01 điện thoại di động Nokia có số imei: 353747947549878, 01 điện thoại di động N2 có số imei: 355406843314518 thu giữ của Nguyễn An A (là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của 02 bị cáo)

+ Trả lại cho Đỗ Thị M3: 01 điện thoại di động OPPO có số imei: 863980045908455; 01 điện thoại di động Iphone 11; 01 điện thoại di động Iphone 16

- Áp dụng Khoản 3 Điều 200; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3: từ 18 đến 20 tháng tù,**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 200; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến D: từ 18 đến 20 tháng tù.**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 200; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T5: từ 16 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 40 tháng.**

Hình phạt bổ sung: không.

Dân sự: Nguyễn Văn T3 là người đứng đầu công ty, chỉ đạo và được hưởng lợi trực tiếp từ số tiền trốn thuế nên đối với phần tiền trốn thuế còn lại (1.271.596.696 đồng) T3 có trách nhiệm phải nộp khắc phục. Buộc Nguyễn Văn T3 nộp số tiền trốn thuế còn lại là: 1.271.596.696 đồng.

Vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động S1, số Imei: 355422420513407 thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T5.

- Áp dụng Đ1 c Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo **Lê Đinh Hồng T: từ 26 đến 30 tháng tù**

- Áp dụng Đ1 c Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung K: từ 18 đến 22 tháng tù**

- Áp dụng Đ1 c Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo **Hoàng Tùng L: từ 18 đến 22 tháng tù**

-Áp dụng Đ1 c Khoản 2 Điều 318; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo **Trần Anh T2: từ 18 đến 22 tháng tù**

Hình phạt bổ sung: không.

Dân sự: không.

Vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động iphone có số imei: 351136710315687 thu giữ của Trần Anh T2;

+ Trả lại cho anh Phương Văn T8: 01 điện thoại di động iphone có số imei: 353293072232444; 01 điến thoại di động iphone có số imei: 352513428875443; Trả lại cho anh Đặng Văn K1 01 điện thoại di động iphone có số imei: 357287092044462.

+ Trả lại cho chị Ngô Khánh L4: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISSION, BKS: 29P1-886.62 ;

+ Trả cho Công ty P3: 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, BKS: 29H-636.51; 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, BKS: 29K-060.21; 01 xe ô tô SUZUKI, BKS: 29H-184.14; 01 xe ô tô SUZUKI, BKS: 29H-319.89.

***Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn An A và Đỗ Thị M3 trình bày quan điểm:**

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc các bị cáo đã khắc phục hết hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

cho bị cáo để xem xét giảm hình phạt cho bị cáo An A và giảm thời gian thử thách cho bị cáo M3.

***Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5:**

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cũng như hoàn cảnh của bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi để cho bị cáo T5 được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an , Điều tra viên, Viện kiểm sát , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được của vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

1. Về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" của các bị cáo Lê Đinh Hồng T, Nguyễn Trung K, Hoàng Tùng L, Trần Anh T2:

Vì mâu thuẫn trong việc cạnh tranh cung cấp dịch vụ vận chuyển phế thải xây dựng ở khu vực căn hộ liền kề 32 R (LK32), phường N, thành phố Hà Nội với công ty T12 mà Lê Đinh Hồng T là nhân viên phụ trách kinh doanh của Công ty TNHH P3 đã chỉ đạo các lái xe của Công ty P3 là Nguyễn Trung K, Hoàng Tùng L, Trần Anh T2 điều khiển ô tô tải dàn hàng ngang, chặn đường ra vào để cản trở hoạt động kinh doanh của Công ty T12. Hành vi của các bị cáo đã làm cho đoạn đường dân sinh, thường xuyên có người qua lại bị ùn tắc giao thông, gây mất trật tự công cộng trong khu vực.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội"Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đây là hành vi đáng lên án, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong Công ty, bị cáo T làm ở bộ phận kinh doanh có nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng, công trường xây dựng, vì mâu thuẫn cá nhân với nhóm của Công ty T12 trong việc tranh chấp địa bàn kinh doanh nên lên nhóm Zalo kêu gọi các đối tượng Nguyễn Trung K, Hoàng Tùng L, Trần Anh T2 là anh em lái xe của công ty điều khiển xe ôtô đứng giữa lòng đường trong

khoảng thời gian từ 8h đến 17h các ngày 8-9/4/2025 để Công ty T12 không thể chở phế liệu ra ngoài. Trong vụ án xác định bị cáo T có vai trò cao hơn các bị cáo khác,bị cáo T vì mâu thuẫn cá nhân, bức xúc, nôn nóng nhất thời trong việc tìm kiếm khách hàng, các bị cáo K, L, T2 với vai trò đồng phạm giúp sức, là những người làm công ăn lương làm theo sự chỉ đạo của bị cáo T mà vướng vào hành vi vi phạm pháp luật. Vụ việc gây rối mặc dù diễn ra làm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh của khu đô thị song diễn ra trong phạm vị hẹp, hậu quả xảy ra chưa lớn, nên đối với hành vi phạm tội của bị cáo K, L, T2 xem xét cho hưởng mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo T, cho các bị cáo áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo T và bị cáo T2 bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

2. Về hành vi Trốn thuế của các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thị Thanh T5:

Từ tháng 12/2023 đến tháng 4/2025 Nguyễn Văn T3 là Giám đốc Công ty P3 và Nguyễn Tiến D phụ trách bộ phận kế toán, tài chính đã chỉ đạo Nguyễn Thị Thanh T5 là kế toán trực tiếp thời điểm đó sử dụng 03 tài khoản ngân hàng cá nhân để nhận số tiền 24.587.999.229 đồng từ việc bán vật liệu xây dựng năm để ngoài sổ sách, không kê khai nộp thuế và không xuất hóa đơn bán hàng theo quy định. Kết quả giám định xác định tổng số thuế giá trị gia tăng trốn thuế của Công ty P3 là 2.291.596.696 đồng. Trong đó bị cáo T3 và bị cáo D phải chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền trốn thuế của Công ty là 2.291.596.696 đồng, bị cáo T5 chịu trách nhiệm với việc giúp Công ty P3 trốn thuế là 1.577.849.584 đồng (thời điểm T5 làm từ quý 3 năm 2024 đến hết quý 1 năm 2025).

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội Trốn thuế quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự, cáo trạng đã truy tố các bị cáo đúng người đúng tội và đúng pháp luật

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực thuế, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, nên cần phải xử lý nghiêm minh.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T3 với vai trò là giám đốc Công ty giữ vai trò chỉ đạo bị cáo D và bị cáo T5 để ngoài sổ sách kế toán các khoản thu từ việc sử dụng tài khoản cá nhân để trốn tránh việc nộp thuế. Theo như lời khai của bị cáo T3 cũng như lời khai trong hồ sơ thể hiện bị cáo T3 hưởng lợi toàn bộ số tiền trốn thuế nêu trên, bị cáo D chưa được hưởng lợi và bị cáo T5 chỉ là người làm công ăn lương không được hưởng lợi. Hiện nay bị cáo T3 đã tác động gia đình khắc phục số tiền 500.000.000 đồng

tiền trốn thuế. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo D với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T3, là cán bộ phụ trách kế toán đã cùng với T3 bàn bạc, thống nhất dùng các tài khoản cá nhân để nhận tiền của khách mua vật liệu xây dựng, trong đó có cả tài khoản của bị cáo. Bị cáo được T3 giao cho nhiệm vụ phụ trách bộ phận kế toán nội bộ của Công ty, bị cáo chịu trách nhiệm đồng phạm giúp sức cho bị cáo T3 trong việc để xảy ra hành vi vi phạm tại doanh nghiệp. Bị cáo cũng đã tác động gia đình khắc phục số tiền 500.000.000 đồng tiền trốn thuế.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo có nộp Giấy chứng nhận tấm lòng vàng của Phó chủ tịch UBND huyện ĐakRông, tỉnh Quảng Trị ghi nhận bị cáo D có tấm lòng vàng phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T5 với vai trò là kế toán của công ty, với vai trò giúp sứclàm theo sự chỉ đạo của T3 và D, không được hưởng lợi từ việc trốn thuế, hàng tháng nhận mức lương cơ bản. Bị cáo là sinh viên mới ra trường, thiếu hiểu biết và kinh nghiệm đã giúp cho bị cáo T3 thực hiện hành vi Trốn thuế. Mặc dù không được hưởng lợi song bị cáo đã tự nguyện nộp 20 triệu đồng vào tài khoản của Thi hành án để khắc phục một phần hậu quả đã gây ra. Bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhân thân chưa có tiền án tiền sự nên xem xét cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế là 2.291.596.696 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện khắc phục một phần hậu quả của các bị cáo, trong đó bị cáo T3 nộp 500 triệu, bị cáo D nộp 500 triệu, bị cáo T5 nộp 20 triệu, tổng số tiền là 1.020.000.000 đồng đang lưu giữ tại tài khoản của thi hành án dân sự, còn lại 1.271.596.696 đồng chưa khắc phục hậu quả.

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường khắc phục hậu quả. Tuy nhiên khi xem xét trách nhiệm của từng bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào việc hưởng lợi của bị cáo để xác định trách nhiệm mỗi bị cáo trong việc khắc phục hậu quả. Trong đó xác định bị cáo T3 là chủ sở hữu, giữ chức vụ Giám đốc, có trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Công ty P3, bị cáo là người hưởng lợi toàn bộ từ hành vi làm thất thoát thuế Nhà nước do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong việc khắc phục hậu quả.Bị cáo D và bị cáo T5 chỉ là người làm công ăn lương, không được hưởng lợi từ việc làm thất thoát thuế nhà nước, bị cáo D

đã tự nguyện nộp số tiền 500.000.000 đồng, bị cáo T5 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận việc bị cáo D và bị cáo T5 đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, không truy thu bị cáo D và bị cáo T5 số tiền thất thoát thuế còn lại. Buộc bị cáo T3 phải nộp toàn bộ số tiền trốn thuế còn lại chưa khắc phục là 1.271.596.696 đồng.

3. Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, Nguyễn An A và vợ là Đỗ Thị M3 đã đưa ra các thông tin gian dối về việc có quan hệ với lực lượng cảnh sát giao thông và thanh tra giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội nên có thể tác động, can thiệp đến việc xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan này tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh vận tải khi tham gia giao thông, nhằm dụ dỗ họ nộp tiền hàng tháng. Tin tưởng vào các thông tin gian dối của vợ chồng Nguyễn An A, từ tháng 6/2020 đến tháng 4/2025 đã có 09 công ty và hộ kinh doanh vận tải vật liệu xây dựng, trong đó có Công ty P3 nộp tiền cho Nguyễn An A và Đỗ Thị M3 với tổng số tiền 184.600.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, Nguyễn An A và Đỗ Thị M3 không làm gì giúp 09 Công ty và hộ kinh doanh trên mà chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể trực tiếp là quyền sở hữu về tài sản của người dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo A1 và M3 có mối quan hệ vợ chồng, các bị cáo cùng nhau thống nhất, bàn bạc và thực hiện hành vi phạm tội nên xét vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, hai bị cáo đã tác động gia đình bồi thường hết cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho các bị cáo

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo M3 nhân thân chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hai vợ chồng bị cáo đều bị tạm giam, gia đình bị cáo có 04 con, trong đó con nhỏ nhất sinh năm 2021 hiện đang do con trai lớn của bị cáo sinh năm 1999 chăm sóc. Sức khỏe bị cáo yếu, gia đình bị cáo nộp hồ sơ bệnh án về việc bị cáo đã phẫu thuật cắt lá lách sau tai nạn.Để thể hiện tính nhân văn của pháp luật cũng như đảm bảo cho sức khỏe của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo M3 được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục số tiền cho 08 bị hại, các bị hại không có ý kiến và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với Công ty P3, do người đại diện theo pháp luật của Công ty đang bị tạm giam trong vụ án nên gia đình bị cáo có nộp số tiền bồi thường 67.300.000

đồng vào Chi cục thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo đã tác động gia đình khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền lừa đảo cho các bị hại.

4. Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại thu giữ của Trần Anh T2: bị cáo dùng vào việc nhắn tin trong nhóm zalo Nhóm chung- 2.5T để thực hiện hành vi phạm tội nên xem xét tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với các điện thoại thu giữ của Phùng Văn T11, Đặng Văn K1: không liên quan đến hành vi phạm tội nên xem xét trả lại cho các đối tượng.

- Đối với điện thoại thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T5: bị cáo dùng vào việc nhắn tin trong nhóm zalo nội bộ kế toán trong công ty để nhận sự chỉ đạo của T2 và D trong việc trốn thuế nên xem xét tịch thu sung công quỹ.

- Đối với 06 chiếc điện thoại thu giữ của vợ chồng An A- M: trong đó có các điện thoại Oppo số Imei 863980045908455 thu giữ của bị cáo M3, 02 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo An A dùng để liên lạc và nhận tiền từ các bị hại nên xem xét tịch thu sung công quỹ; đối với các điện thoại Oppo số Imei 863980045237731; điện thoại Iphone 11 và điện thoại Iphone 16 không thu thập được thông tin gì liên quan đến hành vi phạm tội nên xem xét trả lại cho bị cáo M3.

- Đối với chiếc xe máy Honda Vision mang tên chị Ngô Khánh L4 cho chồng là Trần Anh T2 sử dụng để đi làm, không biết việc T2 dùng vào hành vi gây rối trật tự công cộng nên xem xét trả lại cho chị L4.

-Đối với 04 xe o tô của Công ty P3: bị cáo Lê Đinh Hồng T tự ý chỉ đạo anh em mang xe ô tô ra gây cản trở giao thông, không liên quan đến Công ty P3 nên xem xét trả lại cho Công ty P3

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh đối với các bị cáo:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Đinh Hồng T, Nguyễn Trung K, Hoàng Tùng L, Trần Anh T2** phạm tội **Gây rối trật tự công cộng.**

Bị cáo **Nguyễn Văn T3, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thị Thanh T5** phạm tội **Trốn thuế**

Bị cáo **Nguyễn An A, Đỗ Thị M3** phạm tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

II. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Đinh Hồng T 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2025

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 ; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 18 (mười tám) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2025

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Hoàng Tùng L 18 (mười tám) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2025

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Anh T2 18 (mười tám) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2025.

- Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 15 (mười lăm) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2025

- Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2025

- Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5 13 (mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 26 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn An A 24 (hai mươi tư) tháng tù.Thời tù tính từ ngày 18/4/2025

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị M3 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách của án treo.

Trả tự do cho bị cáo Đỗ Thị M3 ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội nào khác.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự

III. Trách nhiệm dân sự

-Đối với tội Trốn thuế:

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T3 đã nộp số tiền 500.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Tiến D nộp số tiền 500.000.000 đồng (tại giai đoạn chuẩn bị xét xử theo biên lai thu tiền số 0004841 và Biên lai thu tiền số 0004842 ngày 14/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội) ; bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (tại giai đoạn chuẩn bị xét xử theo

biên lai thu tiền số 0004757 ngày 10/4/2026). Bị cáo Nguyễn Tiến D và bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5 đã thực hiện xong trách nhiệm dân sự của mình.

Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự : Buộc bị cáo Nguyễn Văn T3 còn phải nộp lại số tiền trốn thuế còn lại là 1.271.596.696 đồng.

Thi hành án dân sự thành phố H có trách nhiệm chuyển số tiền 1.020.000.000 đồng mà các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Thanh T5 đã nộp ở trên cho cơ quan Thuế cơ sở 5- Thành phố Hà Nội (địa chỉ: số A N, phường N, thành phố Hà Nội) để xử lý tiền thuế theo quy định pháp luật.

- **Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**:

Trả lại Công ty TNHH P4 (gọi tắt là Công ty P3) số tiền 67.300.000 đồng do bị cáo Nguyễn An A, Đỗ Thị M3 nộp khắc phục hiện đang lưu giữ tại tài khoản Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số 0004657 ngày 9/4/2026.

IV.Về xử lý vật chứng và án phí:

- **Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự:**

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 14 Plus số Imei 351136710315678 của bị cáo Trần Anh T2

Trả lại cho anh Phương Văn T8 (Nơi TT: số E ngõ B phường P, thành phố Hà Nội) : 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 6s plus số Imei 353293072232444; 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 12 số Imei 352513428875443;

Trả lại cho anh Đặng Văn K1 (Nơi TT: khu F, xã Đ, tỉnh Phú Thọ) 01 điện thoại kiểu dáng Iphone XS Max số Imei 357287092044462

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại kiểu dáng Samsung Galaxy số Imei 35422420513407 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T5.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại kiểu dáng Oppo F11 Pro số Imei 863980045908455 thu giữ của bị cáo Đỗ Thị M3; 01 điện thoại kiểu dáng Nokia số Imei 353747947549878 và 01 điện thoại kểu dáng Nokia số Imei 355406843314518 thu giữ của bị cáo Nguyễn An A.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Thị M3 01 điện thoại kiểu dáng Oppo F11 Pro số Imei 863980045237731; 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 16 Promax số Imei353397161985430; 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 11 số Imei 353568256190173

Trả lại cho chị Ngô Khánh L4 (Nơi TT: tổ A, phường N, thành phố Hà Nội) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, đeo BKS 29P1-886.62, có số khung PLHJF5835LZ493138 và số máy JF86E-5217400 đã qua sử dụng, không rõ chất lượng và tình trạng hoạt động, một số bộ phận bị hoen gỉ, lốp xe đã bị xẹp. Theo phiếu trả lời xác minh xe của Công an phường C, thành phố Hà Nội xác định: Chủ xe: Ngô Khánh L4, địa chỉ tổ A, N, Hà Nội; có số khung PLHJF5835LZ493138 và số máy JF86E-5217400; Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm3; nhãn hiệu Honda; Màu sơn: Xanh nâu bạc; Dung tích xi lanh: 108,2 cm3; Năm sản xuất: 2020; số chỗ ngồi: 2.

Trả lại cho Công ty TNHH P4 (Gọi tắt là Công ty P3) 04 xe ô tô:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, đeo biển kiểm soát: 29H - 636.51 có: Số khung: *RPT05025DN1B00026* và số máy: 4A1-68C40 *Q220799159D*; đã qua

sử dụng, không rõ chất lượng và tình trạng hoạt động, một số bộ phận đã bị hoen gỉ, lốp xe đã bị xẹp.

Theo phiếu trả lời xác minh xe của Phòng C5 xác định: BKS 29H-636.51; chủ xe: Cty TNHH xây dựng và phát triển thương mại T16; địa chỉ: A ngõ D,L, X, thành phố Hà Nội; số máy 4A1-68C40 *Q220799159D*; Số khung: *RPT05025DN1B00026*; Loại xe: tải tự đổ; Nhãn hiệu TMT; Màu sơn: Xanh; Dung tích xilanh: 1809 cm3; Năm SX: 2022; Số chỗ ngồi: 2.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, Màu sơn: Xanh, đeo biển kiểm soát: 29K - 060.21 có: Số khung:*RRT07050DN1E00265*và số máy: YN27CRD1*BNB22000199*; đã qua sử dụng, không rõ chất lượng và tình trạng hoạt động, một số bộ phận đã hoen gỉ, lốp xe đã bị xẹp.

Theo phiếu trả lời xác minh xe của Phòng C5 xác định: BKS 29K-060.21; chủ xe: Nguyễn Văn T3; địa chỉ: tổ A N, Cầu G, Hà Nội; Số khung: *RRT07050DN1E00265* Và số máy: YN27CRD1*BNB22000199*; Loại xe: Tải tự đổ; Nhãn hiệu: TMT; Màu sơn: Xanh; Dung tích xi lanh: 2672 cm3; năm SX: 2022; số chỗ ngồi 3.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, đeo biển kiểm soát: 29H184.14 có: Số khung: RLSEDA21TJV203853 và số máy: F10A – ID736328; Màu sơn: Trắng đã qua sử dụng, không rõ chất lượng và tình trạng hoạt động, một số bộ phận đã bị hoen gỉ, lốp xe đã bị xẹp.

Theo phiếu trả lời xác minh xe của Phòng C5- C5 xác định: BKS 29H184.14 có: Số khung: RLSEDA21TJV203853 và số máy: F10A – ID736328; Chủ xe: Nguyễn Văn T3; địa chỉ: tổ A N, Cầu G, Hà Nội; Loại xe: Tải tự đổ, Nhãn hiệu: Suzuki; Màu sơn: Trắng; Dung tích xi lanh: 970cm3; Năm 2019; Số chỗ ngồi: 2.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, đeo biển kiểm soát: 29H319.89 có: Số khung: RLSEDA21T9V102720 và số máy: F10A – ID709469; Màu sơn: Xanh; đã qua sử dụng, không rõ chất lượng và tình trạng hoạt động, một số bộ phận đã bị hoen gỉ, lốp xe đã bị xẹp.

Theo phiếu trả lời xác minh xe của Phòng C5 xác định: BKS 29H-319.89; Số khung: RLSEDA21T9V102720 và số máy: F10A – ID709469; Màu sơn: Xanh; Chủ xe: Chu Tiến H6; địa chỉ: 5 Â, N, T, Hà Nội; Loại xe: Tải tự đổ, Nhãn hiệu: Suzuki; Màu sơn: xanh; Dung tích xi lanh: 970cm3; Năm 2009; Số chỗ ngồi: 2.

(Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Kho vật chứng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 4/3/2026)

- **Về án phí** :

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

V. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 4- Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1- Công an TP Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 4- Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM THỊ THU NGÂN